

# BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM – THỤY ĐIỂN

Nguyễn Thanh Lan  
*Viện Nghiên cứu Châu Âu*

## I. Vài nét về Vương quốc Thụy Điển:

Thụy Điển là quốc gia nằm ở Bắc Âu, phía Đông bán đảo Xcăngđinavơ, giáp Na uy, Phần Lan, vịnh Bốtניה và biển Ban Tích, với diện tích 449.964 km<sup>2</sup>, dân số là 9 triệu người.

Theo Hiến pháp, Thụy Điển là nước quân chủ lập hiến. Vua chủ yếu mang tính chất lễ nghi và đóng vai trò đại diện. Quyền lực thuộc về Quốc hội và Chính phủ, đứng đầu là Thủ tướng. Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất với nhiệm kỳ 4 năm. Tham gia Quốc hội gồm 7 đảng: Xã hội Dân chủ, Cảnh tả, Đảng xanh, Bảo Thủ, Tự do, Trung tâm và Thiên chúa giáo. Đảng Xã hội Dân chủ là tổ chức chính trị lớn nhất với 260.000 đảng viên.

Trong thế kỷ XX, nước Thụy Điển trung lập đã phát triển thành một nhà nước với hệ thống phúc lợi toàn diện dưới sự lãnh đạo của các chính phủ dân chủ xã hội. Trong các vấn

đề quốc tế, Thụy Điển đóng vai trò chủ đạo chuẩn mực. Thụy Điển thi hành chính sách không tham gia liên minh quân sự và chủ trương biến Bắc Âu thành khu vực không có vũ khí hạt nhân. Có lẽ Thụy Điển là một trong số rất ít dân tộc trên thế giới được hưởng một nền hoà bình lâu dài như vậy. Kể từ năm 1814 đến nay (qua hai cuộc chiến tranh thế giới), Thụy Điển không bị gánh chịu hậu quả tàn phá của chiến tranh. Nhờ có môi trường hoà bình này, cộng với một chính sách phát triển kinh tế – xã hội phù hợp đã đem lại cho Thụy Điển một thành tích nổi bật từ một nước nông nghiệp lạc hậu đầu thế kỷ trở thành một nước công nghiệp phát triển cao, là một trong số 10 nước giàu nhất thế giới trong vài thập niên qua. “Mô hình Thụy Điển” đã trở thành hình mẫu mà nhiều nước đang phát triển ngưỡng mộ.

Về tiềm năng kinh tế: Nằm ở trung tâm khu vực, Thụy Điển là nước công nghiệp phát triển cao và có nền nông nghiệp thâm canh. Những tài nguyên thiên nhiên chủ yếu là rừng (23,7 triệu ha với trữ lượng gỗ 2,3 tỷ m<sup>3</sup>), thủy điện (có thể đáp ứng được hơn 80% nhu cầu điện năng) và quặng sắt (khoảng 3 tỷ tấn). Thụy Điển còn chiếm 15% trữ lượng Uranium của thế giới, đủ để đảm bảo cung cấp cho ngành hạt nhân trong nước. Ngoài ra, đất nước này còn có một nguồn tài nguyên hết sức quý báu khác, đó chính là nguồn "chất xám" của đội ngũ các nhà phát minh và khoa học, các cán bộ kỹ sư giỏi và lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao. Hệ thống giáo dục ở Thụy Điển đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế và được miễn phí hoàn toàn. Đây là hệ thống giáo dục phổ cập 9 năm bắt buộc, chia làm ba cấp chính: các trường phổ thông bắt buộc, các trường trung học và hệ thống các trường cao đẳng - đại học.

Từ 1995 - 1999, Thụy Điển đứng thứ 4 trong danh sách 15 quốc gia hàng đầu thế giới trong lĩnh vực đổi mới công nghệ, nhờ tăng mạnh kinh phí cho các mục tiêu nghiên cứu và triển khai, số phát minh được quốc tế công nhận, mức độ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, trình độ phát triển của lĩnh vực giáo dục và những nhân tố khác.

Thụy Điển là thành viên của Liên hợp quốc từ 19/12/1946 và gia nhập Liên minh Châu Âu 1/1/1995. Thụy Điển thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam ở cấp đại sứ từ 11/1/1969.

## II. Quan hệ hợp tác Việt Nam - Thụy Điển

Vương quốc Thụy Điển là một trong những nước phương Tây đầu tiên công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Trong những năm tháng mà nhân dân Việt Nam đang phải hứng chịu sự tàn phá khốc liệt của cuộc chiến tranh xâm lược, nhân dân Thụy Điển - những con người yêu chuộng hòa bình, công lý và giàu tình nhân ái - đã tổ chức những cuộc diễu hành, những đêm đốt đuốc xuống đường phản đối chiến tranh, góp phần tích cực vào sự hình thành và phát triển phong trào nhân dân thế giới đoàn kết và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam chống xâm lược, vì độc lập và thống nhất Tổ quốc. Hơn ba mươi năm qua, hình ảnh cố Thủ tướng Thụy Điển Ôlôp Panmơ dẫn đầu đoàn biểu tình của nhân dân Thụy Điển phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam đầu thập kỷ 70 vẫn còn in đậm trong trái tim loài người tiến bộ và mỗi người Việt Nam yêu Tổ quốc, yêu hòa bình. Hành động vì Việt Nam của người đứng đầu Chính phủ Thụy Điển đã trở thành biểu tượng của tình hữu nghị, là sự cổ vũ to lớn đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước của dân tộc Việt Nam. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước không ngừng được vun đắp, củng cố và phát triển.

### 1. Quan hệ chính trị

Quan hệ chính trị giữa hai nước phát triển tốt đẹp, không ngừng được củng cố và mở rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau, ngay

cả vào thời điểm Việt Nam gặp khó khăn nhất do chính sách bao vây cấm vận của Mỹ và các nước phương Tây.

Hai nước đã trao đổi nhiều đoàn ở tất cả các cấp, các ngành nhằm tăng cường tiếp xúc và thúc đẩy quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Nhiều nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam đã thăm hữu nghị chính thức Thụy Điển, trong đó có cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1974), Thủ tướng Võ Văn Kiệt (1995), Thủ tướng Phan Văn Khải (1999). Nhiều nhà lãnh đạo Thụy Điển cũng đã sang thăm Việt Nam, trong đó có Thủ tướng Carl Bildt (1994), bà Phó Thủ tướng (1999 – nhận kỷ niệm 30 năm ngày hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao), bà Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thụy Điển (2000), Nhà vua Carl XVI Gustaf và Hoàng hậu Silvia (2004) và Thủ tướng Goran Persson (2004). Chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam tháng 2/2004 của Nhà vua và Hoàng hậu Thụy Điển, đúng vào dịp hai nước kỷ niệm 35 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao đã đánh dấu một mốc quan trọng trong lịch sử quan hệ hai nước và nâng quan hệ hai nước lên một tầm cao mới. Mỗi quan hệ Việt Nam – Thụy Điển không những được thử thách và khẳng định tính bền vững của nó mà còn thích ứng được với những biến đổi trong đời sống chính trị – kinh tế hai nước cũng như cục diện chung của thế giới. Chuyến đi của Nhà Vua và Hoàng hậu Thụy Điển đã tạo đà thúc đẩy quan hệ bước vào thời kỳ mới khi cả Thụy Điển và Việt Nam đều tích cực hội nhập thế giới đồng thời gìn giữ bản sắc của mình. Hai nước cũng trao đổi nhiều đoàn

doanh nghiệp nhằm tăng cường quan hệ hợp tác đầu tư và buôn bán giữa hai nước.

Những năm gần đây, quan hệ giữa hai Quốc hội Việt Nam và Thụy Điển cũng được tăng cường. Quốc hội hai nước đã trao đổi nhiều đoàn nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm về điều hành các hoạt động của Quốc hội.

Thụy Điển cũng là nước phương Tây đi đầu trong việc ủng hộ và hỗ trợ tích cực cho công cuộc đổi mới của Việt Nam ngay từ những năm đầu trong các lĩnh vực cải cách kinh tế, hành chính, luật pháp, xóa đói giảm nghèo và tiếp tục giúp đỡ Việt Nam trong các lĩnh vực năng lượng, y tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, đào tạo cán bộ...

## **2. Quan hệ hợp tác kinh tế và thương mại**

### *a. Các hợp tác kinh tế:*

Có thể nói, hợp tác kinh tế và viện trợ là những nét nổi bật nhất trong quan hệ Việt Nam – Thụy Điển kể từ khi được thiết lập đến nay. Việt Nam đã nhanh chóng trở thành một đối tác phát triển quan trọng hàng đầu trong số hơn 60 nước mà Thụy Điển hợp tác giúp đỡ. Một loạt các hiệp định đã được ký kết giữa Việt Nam và Thụy Điển. Năm 1993 ký Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư; Tháng 7/1994 ký Hiệp định về Hỗ trợ trực tiếp công cuộc cải cách kinh tế ở Việt Nam bao gồm nợ gốc, lãi và trả chậm; Tháng 11/1994 là Hiệp định về Hợp tác kinh tế, khoa học công nghệ, công nghiệp, thương mại; Năm 1995 là Hiệp định Viện trợ không hoàn lại (60 triệu SEK) nhằm hỗ trợ cán cân

thanh toán giữa Thụy Điển và Việt Nam; Năm 1998 Việt Nam và Thụy Điển đã ký Hiệp định Hợp tác phát triển trong ba năm trị giá hơn 60 triệu USD. Hiệp định này giúp Việt Nam tăng cường khả năng phát triển ổn định, xóa đói, giảm nghèo... Gần đây nhất, trong chuyến thăm chính thức Việt Nam của Nhà Vua và Hoàng hậu Thụy Điển, hai nước đã ký kết Hiệp định khung mới về Hợp tác phát triển giai đoạn 2004 – 2008, theo đó Thụy Điển sẽ viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam mỗi năm hơn 40 triệu USD. Những hiệp định đã được ký kết giữa hai bên là cơ sở pháp lý nhằm tăng cường mối quan hệ Việt Nam – Thụy Điển, đặc biệt trong quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư, nhằm tạo điều kiện và khuyến khích tăng trưởng kinh tế, phát triển đầu tư và thương mại hai chiều vì lợi ích của cả hai bên, thúc đẩy hợp tác kinh tế vì lợi ích chung, đồng thời mở ra những khả năng mới để các nhà đầu tư Thụy Điển phát triển kinh doanh ở Việt Nam.

Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Thụy Điển có thể chia làm hai giai đoạn.

*Giai đoạn thứ nhất:* Từ năm 1990 trở về trước, viện trợ của Thụy Điển tập trung vào việc xây dựng các công trình kinh tế xã hội, góp phần giúp nhân dân Việt Nam khắc phục hậu quả sau chiến tranh, cải thiện điều kiện sinh hoạt như: Bệnh viện nhi mang tên cố Thủ tướng Ôlôp Panmơ ở Hà Nội; Bệnh viện đa khoa Ưông Bí; Nhà máy giấy Bãi Bằng (Phú Thọ) với công suất 55 nghìn tấn/năm, được Thụy Điển đầu tư 340 triệu USD, được các công ty tư vấn quốc tế cũng như chính giới Thụy Điển đánh giá là một trong những

công trình hiệu quả nhất của viện trợ Thụy Điển; Phục hồi và cải tạo một số cơ sở công nghiệp như nhà máy điện Thủ Đức, nhà máy giấy Tân Mai, nhà máy diêm Thống Nhất, cải tạo lưới điện ở Hà Nội... Hợp tác phát triển được tiếp tục và tăng lên trong những năm 80 với hai mục tiêu chính: *Thứ nhất*, hỗ trợ cải cách kinh tế và các thể chế quản lý dân chủ đang nổi lên trong quá trình đổi mới. *Thứ hai*, giảm đói nghèo bằng việc cải thiện các dịch vụ xã hội và phát triển những vùng nông thôn hẻo lánh. Thụy Điển cũng rất quan tâm tới việc viện trợ phát triển. Ngay từ năm 1965, Thụy Điển đã thực hiện viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam. Đến năm 1974 – 1975, giải ngân đạt mức cao nhất trong thập kỷ 70 và sau đó mức viện trợ giảm hơn 2/3, chủ yếu là do giảm sự hỗ trợ cho cán cân thanh toán.

*Giai đoạn thứ hai:* Từ năm 1990 đến nay viện trợ của Thụy Điển chủ yếu tập trung cho hỗ trợ cải cách kinh tế, dân chủ, quyền con người, xây dựng thể chế và phát triển nguồn nhân lực. Đó là các dự án cải cách luật pháp (1,36 triệu USD giai đoạn 1991 – 1995); Đào tạo về ngân hàng (hợp tác với Ngân hàng Thế giới, với 4 triệu USD cho giai đoạn 1995 – 1999); Chính sách và quản lý thuế (2 triệu USD giai đoạn 1994 – 1995); Hỗ trợ hệ thống ngân hàng giai đoạn 1 và 2 (7,1 triệu USD). Tính đến năm tài khóa 1993 – 1994, tổng số viện trợ cho Việt Nam đã lên đến 1,3 tỷ USD, đứng đầu các nước Bắc Âu về viện trợ không hoàn lại. Nguồn viện trợ tập trung vào bốn chương trình hợp tác về năng lượng, y tế, lâm nghiệp, phát triển nông thôn miền

núi ở 5 tỉnh phía Bắc (Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang).

Trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp, tính đến tháng 12/1998, Thụy Điển đã có 9 dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng số vốn là 379,15 triệu USD. Các dự án chủ yếu tập trung vào lĩnh vực viễn thông, nhiệt điện và giấy. Hiện nay, tổng số tiền viện trợ Thụy Điển dành cho Việt Nam đã lên tới 2,6 tỷ USD<sup>1</sup>, đầu tư của Thụy Điển vào Việt Nam đạt 500 triệu USD. Quan hệ chính trị, ngoại giao và hợp tác phát triển tốt đẹp giữa Việt Nam và Thụy Điển là nền tảng vững chắc để hai nước thúc đẩy và tăng cường quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư, cải biến mối quan hệ theo mô thức giữa nước viện trợ và nước nhận viện trợ trước đây trở thành mối quan hệ hợp tác bình đẳng, cùng có lợi. Trong quá trình phát triển và hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, Việt Nam đã chứng tỏ là một thị trường có nhiều tiềm năng, được các nhà đầu tư và doanh nghiệp Thụy Điển đánh giá là có môi trường ổn định, năng động với nhiều cơ hội làm ăn hấp dẫn. Nhiều nhà đầu tư và doanh nghiệp Thụy Điển trong các lĩnh vực cơ khí chế tạo, tin học, viễn thông, hóa chất, giấy – bột giấy, chế biến gỗ đã có mặt ở Việt Nam và gặt hái những thành công nhất định như Comvik, ABB, Electrolux, Ikea... Hiện nay Thụy Điển xếp thứ 18 trong số các nước và vùng lãnh thổ đầu tư ở Việt Nam. Mặc dù lượng đầu tư của Thụy Điển vào Việt Nam còn ở mức khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng và mong muốn của hai bên, song ngày

càng có nhiều nhà đầu tư Thụy Điển quan tâm đến thị trường Việt Nam.

Có thể thấy rằng trong lĩnh vực viện trợ phát triển thì Thụy Điển là nước viện trợ cho Việt Nam sớm nhất và liên tục nhất. Khối lượng viện trợ chính thức của Thụy Điển cho Việt Nam tuy chưa lớn nhưng đã mang lại hiệu quả không nhỏ đối với công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế của Việt Nam cũng như đối với khả năng hợp tác kinh tế Việt Nam – Thụy Điển. Trong sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sự giúp đỡ thông qua hợp tác kinh tế, viện trợ chính thức của Thụy Điển sẽ là những yếu tố quan trọng góp phần vào việc bổ sung nguồn vốn chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Việt Nam và thúc đẩy quan hệ kinh tế Việt Nam – Thụy Điển lên tầm cao hơn.

#### *b. Quan hệ thương mại*

Cho đến nay, trong số các nước Bắc Âu thì Thụy Điển là nước có kim ngạch buôn bán với Việt Nam còn ở mức thấp. Do vậy việc tăng cường mở rộng quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Thụy Điển đang là mối quan tâm hàng đầu của cả hai bên nhằm tăng thêm những quy mô mới phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu. Trong tương lai, hợp tác thương mại sẽ là một lĩnh vực có nhiều triển vọng. Trong những năm 80, xuất khẩu của Thụy Điển sang Việt Nam tăng gấp 8 lần đạt 10 triệu USD, trong khi xuất khẩu của Việt Nam sang Thụy Điển tăng 10 lần cùng thời kỳ đạt 900.000 USD. Trong thời kỳ 1990 – 1994, quan hệ buôn bán giữa hai bên hầu như chưa có những chuyển biến theo tốc độ tăng

<sup>1</sup> [http://www.vnexpress.net/Bước phát triển mới trong quan hệ Việt Nam - Thụy Điển. \(Ngày 2/2/2004\)](http://www.vnexpress.net/Bước phát triển mới trong quan hệ Việt Nam - Thụy Điển. (Ngày 2/2/2004))

của những năm 80. Kim ngạch xuất – nhập khẩu của Việt Nam – Thụy Điển đã bị chững lại trong giai đoạn này mặc dù đây là thời kỳ Việt Nam đã thực hiện những chính sách của nền kinh tế mở nhằm thúc đẩy phát triển nền thương mại hướng về xuất khẩu. Giá trị khối lượng xuất khẩu và nhập khẩu chênh lệch nhau với khoảng cách rất xa, Việt Nam thường ở vị thế nhập siêu (giá trị khối lượng nhập khẩu so với giá trị khối lượng xuất khẩu lệch nhau hơn 10 lần). Phải đến những năm tiếp theo, thời kỳ 1995 – 1998, quan hệ buôn bán giữa Việt Nam và Thụy Điển mới có những bước chuyển biến rõ nét. Khoảng cách giữa giá trị khối lượng xuất khẩu và nhập khẩu đã dần dần được thu hẹp nhờ sự tăng nhanh liên tục và ổn định của khối lượng hàng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Thụy Điển. Tuy Việt Nam vẫn ở thế nhập siêu, nhưng đây là những cố gắng đáng khích lệ của nền thương mại Việt Nam, đánh dấu một thời kỳ mới trong quan hệ thương mại giữa hai nước. Tiếp đó, năm 1999, mậu dịch song phương giữa hai nước đạt gần 94 triệu USD, năm 2000 là 117 triệu USD, năm 2001 là 127,7 triệu USD, năm 2002 đạt khoảng 130 triệu USD, năm 2003 đạt 185 triệu USD, năm 2004 đạt khoảng 200 triệu USD. Có thể thấy rõ rằng, tuy kim ngạch thương mại giữa hai nước chưa lớn, hiện nay mới chỉ ở mức trên 200 triệu USD, song luôn có xu hướng tăng dần theo từng năm, nhịp độ tăng trưởng trung bình từ 10 – 15%.

Những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là hàng dệt may, giày dép, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ, đồ gốm... Còn những

mặt hàng nhập khẩu từ Thụy Điển chủ yếu là nguyên liệu thô, hóa chất, bột giấy, vải sợi, chất dẻo nguyên liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng... Thụy Điển là thị trường khó tính, song có nhiều tiềm năng đối với nhiều mặt hàng của Việt Nam như hải sản, gạo, hạt tiêu, rau quả, nguyên liệu thô, sản phẩm da, cao su, đồ du lịch, xe đạp... Trong những năm qua, doanh nghiệp hai bên đã có nhiều hoạt động đẩy mạnh xúc tiến thương mại thông qua tham quan, khảo sát, nghiên cứu tiếp cận thị trường, tham dự hội chợ, mở trung tâm giới thiệu sản phẩm, cung cấp thông tin thị trường để doanh nghiệp hai nước nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của nhau. Với tiềm năng lớn chưa được khai thác và nỗ lực của cả hai bên, quan hệ thương mại hai nước trong những năm tới sẽ có những bước phát triển cả về số lượng và chất lượng.

### 3/ Một số vấn đề trong quan hệ kinh tế Việt Nam – Thụy Điển

Trước xu hướng hiện nay là mở rộng hợp tác và cùng phát triển thì quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Thụy Điển cũng ngày càng được mở rộng. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi quan hệ kinh tế – thương mại giữa EU và ASEAN đã ngày càng được coi trọng và phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu thì hai nước Thụy Điển và Việt Nam, với vai trò là thành viên của hai Khối, lại có nhiều khả năng và cơ hội thuận lợi trong việc hợp tác kinh tế. Với những nỗ lực của hai bên, chúng ta hy vọng các nguồn mậu dịch và đầu tư của Thụy Điển, đặc biệt là nguồn viện trợ

ưu đãi, sẽ phát triển một cách rộng lớn về chất lượng cũng như về tính đa dạng. Đầu tư của Thụy Điển sẽ phát triển hơn, nhất là trong các ngành sử dụng công nghệ cao. Sự hợp tác giữa các doanh nghiệp Việt Nam và Thụy Điển là một bước đệm quan trọng đưa các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận gần hơn với thị trường Bắc Âu đầy tiềm năng và thị trường châu Âu rộng lớn. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi còn có những khó khăn đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của mối quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Thụy Điển. Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Thụy Điển vẫn còn ở mức thấp do nhiều nguyên nhân. Trước hết là do các công ty của Thụy Điển, theo truyền thống vẫn thường chỉ tập trung vào thị trường trong khu vực EU. Châu Âu vẫn là thị trường chủ yếu cho hàng xuất nhập khẩu của Thụy Điển, chiếm tới 3/4 khối lượng hàng xuất nhập khẩu. Năm thị trường lớn nhất của Thụy Điển là Đức, Anh, Na Uy, Mỹ và Đan Mạch, trong đó Đức là thị trường lớn nhất (chiếm 15%). Mặt khác, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam còn nghèo nàn, chưa phong phú. Các mặt hàng chủ yếu là những mặt hàng có giá trị thấp như hàng may mặc, đồ chơi, một phần hải sản. Vị trí địa lý cũng là một hạn chế, do Việt Nam ở xa Thụy Điển nên chi phí vận chuyển cao. Ngoài ra, cũng giống như các nước trong Liên minh Châu Âu, Thụy Điển là một thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng cao mà với khả năng công nghệ Việt Nam còn hạn chế thì khó có thể đáp ứng

được yêu cầu. Do vậy, các nhà xuất khẩu Việt Nam cũng chưa thực sự tập trung vào thị trường này.

Lĩnh vực hợp tác khoa học công nghệ và đầu tư trực tiếp của Thụy Điển với Việt Nam còn khiêm tốn và chủ yếu còn dừng ở những dự án nhỏ. Chính phủ Thụy Điển chưa có những chính sách hỗ trợ tài chính cho các công ty vào đầu tư làm ăn ở Việt Nam. Các doanh nghiệp sản xuất vừa và nhỏ, mô hình phát triển năng động nhất trong nền kinh tế ở Thụy Điển cũng như ở châu Âu, chưa tìm được chỗ đứng cho mình tại thị trường Việt Nam. Các công ty vừa và nhỏ của Thụy Điển chưa thích nghi với thị trường, cung cách hoạt động kinh doanh cũng như phối hợp liên doanh điều hành ở các liên doanh tại Việt Nam nên gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, việc tiếp xúc giữa các nhà đầu tư Việt Nam và các nhà đầu tư của Thụy Điển còn rất hạn chế. Do vậy, cả hai bên chưa hiểu nhau cũng như chưa hiểu biết về thị trường của nhau.

Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Thụy Điển đang trong quá trình phát triển với chiều hướng tốt. Để thúc đẩy quan hệ hợp tác, Việt Nam cần thực hiện một số biện pháp như: Một mặt cần phải liên tục hoàn thiện và tiếp xúc ký kết các hiệp định đã được chuẩn bị từ trước, tiếp tục triển khai những hiệp định mới ở cấp Nhà nước, tạo điều kiện về mặt pháp lý. Mặt khác, cần phải triển khai có hiệu quả các dự án đã ký kết, thực hiện tổng kết rút kinh nghiệm, đồng thời cần tăng cường công tác xúc tiến đầu tư thông qua triển lãm, hội chợ, tạo điều kiện để

các nhà đầu tư có dịp tiếp xúc và hiểu nhau. Việt Nam cần tranh thủ nguồn tín dụng ưu đãi của Thụy Điển với mức 0% trong thời hạn vay 10 năm, tập trung ưu tiên lĩnh vực năng lượng, viễn thông là những lĩnh vực mà Thụy Điển có ưu thế về kỹ thuật và công nghệ. Cần có những chính sách ưu đãi để khuyến khích các công ty Thụy Điển đầu tư vào một số lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu sử dụng nhiều lao động, chế biến nguyên liệu và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên Việt Nam để nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng xuất khẩu Việt Nam trên thị trường EU và quốc tế, đặc biệt là trong những lĩnh vực mà Thụy Điển có ưu thế và truyền thống. Để tận dụng những ưu thế về viện trợ phát triển của Thụy Điển, Việt Nam cần khuyến khích các nhà đầu tư Thụy Điển đầu tư vào những địa bàn hiện còn những khó khăn về điều kiện kinh tế – xã hội, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đây là những địa bàn còn nhiều tiềm năng, nhất là về tài nguyên thiên nhiên còn phong phú chưa được khai thác. Cần có những chính sách ưu đãi đặc biệt vì các nhà đầu tư thực hiện đầu tư vào những khu vực trên bước đầu sẽ gặp nhiều khó khăn, nhất là về kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Việt Nam là một thị trường đầy tiềm năng, nằm ở vị trí trung tâm Đông Nam Á đang trên đà phát triển. Với bộ Luật Đầu tư mới được sửa đổi, hoàn thiện và những chính sách thương mại thông thoáng, Việt Nam thực sự trở thành vùng đất hấp dẫn cho các nhà đầu tư của Thụy Điển nói riêng và EU nói chung.

Để quan hệ kinh tế Việt Nam – Thụy Điển được nâng cao cả về chất cũng như lượng trong những năm tới đòi hỏi những cố gắng phấn đấu của cả hai bên. Các bên cần loại bỏ những yếu tố cản trở nhằm đưa mối quan hệ kinh tế – thương mại giữa hai nước lên cao hơn, tương xứng với những tiềm năng sẵn có của hai nước.

Tiếp nối những mối quan hệ gắn bó trong lịch sử, sự giao lưu giữa nhân dân hai nước ngày càng được đẩy mạnh, tăng cường sự hiểu biết và làm phong phú thêm mối quan hệ tốt đẹp giữa Việt Nam và Thụy Điển. Với bề dày lịch sử của quan hệ hữu nghị và hợp tác tốt đẹp, cùng với quyết tâm chính trị ở cấp cao và nỗ lực của các cấp, ngành và doanh nghiệp hai nước, chúng ta có cơ sở vững chắc để tin rằng quan hệ Việt Nam và Thụy Điển dựa trên cơ sở hợp tác bình đẳng, cùng có lợi sẽ không ngừng được củng cố và tăng cường, đáp ứng nguyện vọng chung của nhân dân Việt Nam và Thụy Điển.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “*Chính quyền địa phương Thụy Điển – Truyền thống và cải cách*”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
2. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu các số năm 1996, 1998, 2000, 2001, 2002, 2005.
3. Thời báo Kinh tế Việt Nam
4. Tạp chí Ngoại thương các số năm 1997, 1998, 1999, 2000
5. Website: <http://www.europa.eu.int>
6. Website: <http://www.Sweden.se>
7. Website: <http://www.google.com>